

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại  
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**

### TỔNG GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2396/QĐ-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng quản trị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 4527/UBCK-PTTT ngày 13 tháng 08 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành các Quy chế hoạt động nghiệp vụ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Lưu ký Chứng khoán và Quản lý thành viên.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và thay thế Quyết định số 05/QĐ-VSD ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**Điều 3.** Giám đốc Chi nhánh tại Tp.HCM, Trưởng phòng Hành chính Quản trị, Trưởng phòng Lưu ký Chứng khoán và Quản lý thành viên, Chánh văn phòng Hội đồng quản trị, Trưởng các phòng thuộc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBCKNN (để b/c);
- HĐQT (để b/c);
- Các SGĐCK;
- Ban TGD;
- CN VSD;
- Lưu: VT, LK (22b).





**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN**  
**TẠI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-VSD ngày 23 tháng 8 năm 2021 của  
Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam)*

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là VSD), quyền hạn, trách nhiệm của VSD, các thành viên lưu ký (sau đây gọi là TVLK), các tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại VSD (sau đây gọi tắt là TCMTKTT), các tổ chức, cá nhân liên quan khi tham gia hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại VSD.

2. Hoạt động vay và cho vay chứng khoán quy định tại Quy chế này nhằm thực hiện:

a. Hỗ trợ thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp TVLK của VSD do sửa lỗi dẫn đến tạm thời thiếu hụt chứng khoán để thanh toán;

b. Hỗ trợ thành viên lập quỹ ETF có đủ chứng khoán để góp vốn và thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục với quỹ ETF theo quy định hiện hành;

c. Hỗ trợ TVLK đồng thời là thành viên bù trừ vay trái phiếu Chính phủ (sau đây gọi tắt là TPCP) để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở khi thực hiện hợp đồng tương lai TPCP trong trường hợp thành viên bù trừ không có đủ số lượng và đúng loại tài sản cơ sở để chuyển giao;

d. Hỗ trợ nhà tạo lập thị trường thực hiện giao dịch vay và cho vay công cụ nợ.

3. Đối tượng áp dụng của Quy chế này bao gồm:

a. Thành viên lập quỹ ETF, VSD;

b. TVLK, TCMTKTT đóng vai trò là bên cho vay hoặc bên vay;

c. Tổ chức, cá nhân sở hữu chứng khoán lưu ký đóng vai trò là bên cho vay.



## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Bên cho vay* là các tổ chức, cá nhân sở hữu chứng khoán đã lưu ký tại VSD có nhu cầu cho vay chứng khoán phải thực hiện giao dịch cho vay tại VSD thông qua TVLK nơi tổ chức, cá nhân đó mở tài khoản.

2. *TVLK đại diện cho bên cho vay* là TVLK nơi mở tài khoản lưu ký chứng khoán của bên cho vay và được ủy quyền của tổ chức, cá nhân cho vay chứng khoán tham gia vào hệ thống thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán (sau đây gọi tắt là hệ thống SBL).

3. *Bên vay* là TVLK, các tổ chức được công nhận là thành viên lập quỹ ETF, các nhà tạo lập thị trường được vay chứng khoán để thực hiện các hoạt động theo quy định pháp luật có liên quan hiện hành.

4. *Tỷ lệ chiết khấu tài sản* là tỷ lệ phần trăm được khấu trừ từ mức giá dùng để định giá tài sản là chứng khoán thế chấp được quy định tại Quy chế này.

5. *Thỏa thuận trực tiếp* là trường hợp bên vay và bên cho vay trực tiếp trao đổi thông nhất về các điều kiện vay và cho vay chứng khoán trước khi chuyển thông tin vào hệ thống để xác lập thỏa thuận.

6. *Thỏa thuận qua hệ thống* là trường hợp bên có nhu cầu vay hoặc cho vay chứng khoán đưa chào vay/chào cho vay vào hệ thống SBL để tìm đối tác cho vay/vay chứng khoán.

7. *Chào vay/Chào cho vay* là đề nghị vay/cho vay chứng khoán của bên vay hoặc bên cho vay được đưa vào hệ thống SBL để tìm đối tác tương ứng cho vay/vay chứng khoán.

8. *Yêu cầu vay* là toàn bộ nội dung thông tin về giao dịch vay/cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này đã được bên cho vay và bên vay thống nhất và được bên vay nhập vào hệ thống SBL để xác lập thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán.

9. *Công cụ nợ* quy định tại quy chế này được hiểu là trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định pháp luật về quản lý nợ công.

10. *Nhà tạo lập thị trường* là tổ chức được Bộ Tài chính lựa chọn và công bố hàng năm để thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc phát hành, giao dịch công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước theo quy định pháp luật về quản lý nợ công.

11. *Chữ ký số* là một dạng chữ ký điện tử theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử mà người có thẩm quyền của VSD hoặc thành viên lưu ký (sau đây viết tắt là TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp (sau đây viết tắt là TCMTKTT), tổ chức phát hành (sau đây viết tắt là TCPH) sử dụng để xác thực thông tin dữ liệu mà mình gửi đi.

12. Chứng từ điện tử là thông tin về hoạt động nghiệp vụ tại VSD được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính thông qua cổng giao tiếp điện tử hoặc cổng giao tiếp trực tuyến hoặc thông qua mạng toàn cầu bằng giao diện trên trang thông tin điện tử của VSD và đã được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền của VSD hoặc TVLK, TCMTKTT, TCPH. Chứng từ điện tử trong Quy chế này bao gồm các loại sau:

- a. Giấy xác nhận hạch toán chứng khoán cho vay;
- b. Giấy xác nhận chuyển khoản phong toả chứng khoán thế chấp;
- c. Giấy xác nhận hạch toán hoàn trả chứng khoán cho vay;
- d. Giấy xác nhận chuyển khoản giải toả chứng khoán thế chấp.

### **Điều 3. Phạm vi hoạt động trung gian của VSD**

VSD giữ vai trò trung gian và tổ chức vận hành hệ thống SBL với các chức năng chính:

1. Làm trung gian kết nối giữa bên cho vay và bên vay chứng khoán để thực hiện các giao dịch phù hợp với quy định pháp luật.
2. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho việc thực hiện vay và cho vay chứng khoán bao gồm:
  - a. Tổ chức hệ thống thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán;
  - b. Thực hiện chuyển giao và hoàn trả chứng khoán giữa các bên vay và cho vay;
  - c. Định giá và quản lý tài sản thế chấp;
  - d. Xác định và tính toán quyền liên quan đến chứng khoán thuộc sở hữu của bên cho vay và thực hiện chuyển giao lợi ích phát sinh từ quyền từ bên vay sang bên cho vay theo thỏa thuận và đề nghị của các bên.
3. Quản lý việc sử dụng chứng khoán vay trên hệ thống SBL theo đúng mục đích và quy định hiện hành.

## **CHƯƠNG II CHỨNG KHOÁN CHO VAY**

### **Điều 4. Chứng khoán cho vay**

1. Chứng khoán cho vay hợp lệ là chứng khoán được niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán thuộc sở hữu hợp pháp của bên cho vay và đã được đăng ký, lưu ký tại VSD, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Bên cho vay phải đáp ứng đúng quy định của pháp luật khi thực hiện cho vay chứng khoán.

2. Chứng khoán không được cho vay bao gồm:



- a. Chứng khoán bị đưa vào diện bị cảnh báo, bị kiểm soát, tạm ngừng giao dịch theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán;
- b. Chứng khoán đang được cầm cố, phong toả, tạm giữ tại VSD;
- c. Chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật hoặc theo Điều lệ của tổ chức phát hành;
- d. Trái phiếu chuyển đổi.

**Điều 5. Giá trị chứng khoán cho vay và lãi suất vay/cho vay**

1. Giá trị chứng khoán cho vay được xác định theo công thức sau:

$$V_L = Q_L \times P$$

Trong đó:

$V_L$  là giá trị chứng khoán cho vay

$Q_L$  là số lượng chứng khoán cho vay

$P$  xác định như sau:

a. Đối với công cụ nợ: là giá tính toán theo mô hình Đường cong Lợi suất chuẩn của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày giao dịch liền kề trước ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

b. Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư: giá đóng cửa tại ngày giao dịch liền kề trước ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

c. Đối với trái phiếu công ty: giá thực hiện/giá thực hiện bình quân tại ngày giao dịch liền kề trước/ngày giao dịch gần nhất ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

2. Giá trị chứng khoán cho vay được định giá lại vào 16h00 hàng ngày theo công thức trên để làm cơ sở xác định mức tài sản thế chấp tương ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quy chế này.

3. Lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận giữa bên vay và bên cho vay nhưng không được vượt quá 20%/năm.

4. Lãi khoản vay được xác định như sau:

$$L = \sum_{d=1}^n V_d * \frac{I}{360}$$

Trong đó:

$L$ : là lãi khoản vay

$(1, n)$ : là khoảng ngày tính từ ngày xác lập khoản vay đến ngày kết thúc /đến hạn khoản vay

$V_d$ : là giá trị chứng khoán cho vay tại ngày  $d \in (1, n)$ ,

$I$ : là lãi suất cho vay năm.

5. Lãi khoản vay được thanh toán cùng ngày với việc hoàn trả toàn bộ khoản vay của bên vay. Trường hợp bên vay chưa thực hiện trả tiền lãi khoản vay cho bên cho vay, VSD khấu trừ giá trị tương ứng khoản lãi vay từ giá trị tài sản thế chấp bằng tiền (nếu có) của bên vay để trả cho bên cho vay.

6. Trường hợp hai bên vay và cho vay thống nhất gia hạn khoản vay theo quy định tại Điều 6 Quy chế này, lãi suất cho vay khi gia hạn do hai bên vay và cho vay thỏa thuận nhưng tối đa không được vượt quá 20%/năm.

**Điều 6. Thời gian vay, gia hạn khoản vay**

1. Thời hạn vay/cho vay theo thỏa thuận của bên cho vay và bên đi vay, tối đa như sau:

a. 05 ngày làm việc đối với thỏa thuận vay/ cho vay để hỗ trợ thanh toán.

b. 90 ngày đối với thỏa thuận vay/ cho vay để góp vốn hoặc hoán đổi danh mục quỹ ETF.

c. 30 ngày đối với thỏa thuận vay/ cho vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở nhưng không vượt quá thời hạn còn lại tới khi đáo hạn của TPCP.

d. Trường hợp nhà tạo lập thị trường vay công cụ nợ, thời hạn vay không vượt quá thời hạn còn lại tới khi đáo hạn của công cụ nợ.

Trường hợp ngày đến hạn khoản vay trùng với ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật thì ngày đến hạn khoản vay là ngày làm việc liền ngay sau ngày nghỉ, ngày lễ, tết đó.

2. Việc gia hạn khoản vay chỉ được thực hiện khi bên vay có yêu cầu và được bên cho vay chấp thuận nhưng tối đa không quá 03 lần với thời gian của từng lần gia hạn theo từng mục đích vay:

a. Mỗi lần gia hạn không quá 05 ngày làm việc đối với khoản vay để hỗ trợ thanh toán.

b. Mỗi lần gia hạn không quá 30 ngày đối với khoản vay để góp vốn hoặc hoán đổi danh mục quỹ ETF; vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở. Trường hợp vay TPCP, thời hạn gia hạn khoản vay không vượt quá thời hạn còn lại tới khi đáo hạn của TPCP.

c. Trường hợp nhà tạo lập thị trường vay công cụ nợ, thời hạn gia hạn khoản vay không vượt quá thời hạn còn lại tới khi đáo hạn của công cụ nợ.

3. Trình tự, thủ tục gia hạn khoản vay:

a. Khi có yêu cầu gia hạn khoản vay, bên vay gửi thông báo bằng văn bản tới VSD (Mẫu 01/SBL của Quy chế này) kèm theo thỏa thuận gia hạn khoản vay (Mẫu 02/SBL của Quy chế này) được ký kết giữa bên vay và bên cho vay đồng thời đăng nhập thông tin gia hạn khoản vay trên hệ thống SBL.

b. VSD xác nhận gia hạn khoản vay (Mẫu 01/SBL của Quy chế này) và gửi bên vay trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo gia hạn bằng văn bản của bên vay.

**Điều 7. Hoàn trả khoản vay**

1. Bên cho vay không được yêu cầu hoàn trả khoản cho vay trong suốt thời gian cho vay.

2. Trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, bên vay được hoàn trả toàn bộ hoặc một phần chứng khoán vay tại bất cứ thời điểm nào trong thời hạn vay. Khoản vay phải được hoàn trả bằng chứng khoán đã vay trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp hoàn trả bằng tiền (một phần hoặc toàn bộ) phải được chấp thuận bằng văn bản của bên cho vay (không áp dụng đối với giao dịch vay và cho vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường).

3. Trường hợp bên cho vay nhận hoàn trả khoản vay bằng chứng khoán dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định của nhà đầu tư nước ngoài, phần vượt quá được thống nhất hoàn trả bằng tiền, giá trị hoàn trả bằng tiền do hai bên thoả thuận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục hoàn trả khoản vay:

a. Hoàn trả toàn bộ bằng chứng khoán cho vay:

Bên vay gửi VSD hồ sơ hoàn trả chứng khoán vay bao gồm các tài liệu sau:

i. Giấy đề nghị chuyển trả chứng khoán cho bên cho vay (Mẫu 03A/SBL, 03B/SBL của Quy chế này);

ii. Biên bản thanh lý hợp đồng giữa các bên vay và cho vay và TVLK đại diện cho bên cho vay (nếu có);

iii. Yêu cầu chuyển khoản chứng khoán (Mẫu 04/SBL của Quy chế này) (03bản).

Đồng thời, bên vay đăng nhập thông tin hoàn trả và/hoặc tất toán hợp đồng vay, cho vay trên hệ thống SBL (Mẫu 05/SBL của Quy chế này).

b. Hoàn trả toàn bộ hoặc một phần bằng tiền:

i. Các bên tự thoả thuận trong biên bản thanh lý hợp đồng vay/cho vay giá trị bằng tiền quy đổi từ chứng khoán cho vay nhưng không được thấp hơn giá trị chứng khoán cho vay tại ngày hoàn trả được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 5.

ii. Biên bản thanh lý hợp đồng vay/cho vay chứng khoán được gửi tới VSD trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày các bên ký Biên bản. Trường hợp hoàn trả một phần bằng tiền, bên vay gửi kèm theo Biên bản thanh lý hợp đồng vay/cho vay chứng khoán các tài liệu quy định tại tiết i,iii điểm a khoản này.

Đồng thời, bên vay đăng nhập thông tin hoàn trả và/hoặc tất toán hợp đồng vay, cho vay trên hệ thống SBL (Mẫu 05/SBL của Quy chế này).

c. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VSD xử lý hồ sơ hoàn trả chứng khoán cho vay và hạch toán theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.



### **Điều 8. Xử lý trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay**

1. Các trường hợp được coi là mất khả năng hoàn trả khoản vay :
  - a. Hết thời hạn hợp đồng vay/cho vay, Bên vay không hoàn trả được khoản vay và không được bên cho vay chấp nhận gia hạn khoản vay.
  - b. Hết thời hạn gia hạn khoản vay theo thỏa thuận với Bên cho vay, Bên vay không hoàn trả được khoản vay.
  - c. Bên vay không nộp tài sản thế chấp bổ sung theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.
  - d. Bên vay không nộp tài sản thế chấp thay thế theo yêu cầu của VSD theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.
2. Trường hợp tài khoản tiền gửi của bên vay không đủ số dư tiền để Ngân hàng thanh toán phong toả toàn bộ số tiền thế chấp theo thông báo của VSD, Ngân hàng thanh toán thông báo cho VSD về số tiền thiếu hụt không đủ để phong toả của bên vay để VSD thông báo cho bên vay xác định hợp đồng mất khả năng hoàn trả khoản vay theo quy định tại điểm c,d khoản 1 Điều này.
3. Việc xử lý các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ vào hợp đồng vay/cho vay hoặc thỏa thuận khác bằng văn bản giữa bên cho vay và bên vay.
4. Trường hợp không có thỏa thuận giữa các bên, bên cho vay được nhận chuyển giao thông qua VSD toàn bộ tài sản thế chấp (chứng khoán hoặc tiền) của bên vay ngay trong ngày Hợp đồng vay và cho vay được coi là mất khả năng hoàn trả khoản vay. Nếu bên cho vay nhận chuyển giao chứng khoán thế chấp mà dẫn tới vượt sở hữu tối đa theo quy định của nhà đầu tư nước ngoài, phần vượt quá được thống nhất hoàn trả bằng tiền, giá trị hoàn trả bằng tiền do hai bên thỏa thuận.

## **CHƯƠNG III TÀI SẢN THẾ CHẤP**

### **Điều 9. Tài sản thế chấp**

1. Tài sản thế chấp đủ điều kiện cho giao dịch vay và cho vay chứng khoán tại VSD là tiền (VNĐ) hoặc các chứng khoán niêm yết tùy theo mục đích vay.
2. Tài sản thế chấp để vay chứng khoán hỗ trợ thanh toán cho TVLK là tiền. Tài sản thế chấp để vay chứng khoán hỗ trợ cho việc góp vốn hoặc hoán đổi danh mục quỹ ETF, vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường là tiền và/hoặc chứng khoán đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:
  - a. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi, tín phiếu kho bạc;

b. Chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư ngoại trừ chứng chỉ quỹ ETF).

3. Chứng khoán được sử dụng làm tài sản thế chấp để vay chứng khoán tại VSD là các chứng khoán:

a. Thuộc danh mục tài sản thế chấp do VSD quy định trong từng thời kỳ dựa trên tính thanh khoản của chứng khoán được xác định theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy chế này;

b. Không thuộc loại bị cảnh báo, bị kiểm soát, tạm ngừng giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán;

c. Không bị cầm cố, phong tỏa, tạm giữ tại VSD;

d. Thuộc loại tự do chuyển nhượng và đã được lưu ký trên tài khoản chứng khoán giao dịch tại VSD;

e. Thuộc sở hữu của bên vay và được bên cho vay chấp nhận theo Hợp đồng vay/cho vay chứng khoán giữa hai bên.

#### **Điều 10. Định giá giá trị tài sản thế chấp**

1. Giá trị tài sản thế chấp được xác định theo công thức sau đây:

$$V_{TC} = C + Q_{TC} \times P \times (100\% - H)$$

Trong đó

$V_{TC}$  là giá trị tài sản thế chấp

$C$  là tiền thế chấp (nếu có)

$Q_{TC}$  là số lượng chứng khoán thế chấp

$P$  là giá chứng khoán áp dụng để định giá:

a. Đối với công cụ nợ: là giá tính toán theo mô hình Đường cong Lợi suất chuẩn của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày giao dịch liền kề trước ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

b. Đối với cổ phiếu/chứng chỉ quỹ niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày giao dịch liền kề trước ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

$H$  là tỷ lệ chiết khấu tài sản theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

2. Giá trị tài sản thế chấp được định giá lại vào 16h00 hàng ngày theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này làm căn cứ xác định việc duy trì giá trị tài sản thế chấp của bên vay theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Bên vay phải đảm bảo giá trị tài sản thế chấp ban đầu bằng 115% giá trị chứng khoán vay. Bên vay phải nộp bổ sung tài sản thế chấp trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp thấp hơn mức nêu trên theo quy định tại Điều 12 Quy chế này và được quyền rút tài sản thế chấp khi giá trị tài sản thế chấp lớn hơn mức quy định.

#### **Điều 11. Nộp tài sản thế chấp ban đầu**



1. Bên vay có trách nhiệm liệt kê đầy đủ tài sản thế chấp trong Yêu cầu vay khi nhập vào hệ thống SBL.

2. Chứng khoán thế chấp được phong tỏa tại VSD và tiền thế chấp được phong tỏa tại Ngân hàng thanh toán trước khi thỏa thuận vay/cho vay được xác lập trên hệ thống SBL theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.

**Điều 12. Xử lý trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp thấp hơn mức quy định**

1. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp xác định lại thấp hơn mức quy định tại khoản 3 Điều 10, VSD gửi thông báo bằng fax cho bên vay (Mẫu 06/SBL của Quy chế này) ngay trong ngày định giá lại để nộp bổ sung tài sản thế chấp.

2. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp xác định lại thấp hơn mức quy định nhưng vẫn đạt trên 110% giá trị chứng khoán cho vay trong 03 ngày giao dịch liên tiếp, bên vay có trách nhiệm nộp bổ sung tài sản thế chấp trong ngày làm việc thứ 04 để đạt mức 115% giá trị chứng khoán cho vay. Nếu quá thời hạn trên mà bên vay không nộp thêm đủ tài sản thế chấp theo thông báo của VSD và giá trị tài sản thế chấp định giá lại thấp hơn 115% giá trị chứng khoán cho vay, thỏa thuận vay được xử lý như trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp xác định lại thấp hơn mức 110% giá trị chứng khoán cho vay, bên vay có trách nhiệm nộp bổ sung tài sản thế chấp ngay trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của VSD để đạt mức 115% giá trị chứng khoán cho vay. Nếu quá thời hạn trên mà bên vay không nộp thêm đủ tài sản thế chấp theo thông báo của VSD và giá trị tài sản thế chấp định giá lại thấp hơn 115% giá trị chứng khoán cho vay, thỏa thuận vay được xử lý như trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

**Điều 13. Tỷ lệ chiết khấu tài sản**

1. Tỷ lệ chiết khấu tài sản áp dụng đối với từng loại chứng khoán khi xác định giá trị tài sản thế chấp, trừ trường hợp tài sản thế chấp là tiền là:

a. 5% đối với trái phiếu Chính phủ.

b. 30% đối với chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cấu thành chỉ số VN30/HNX30 và 40% đối với chứng khoán còn lại.

2. VSD điều chỉnh tỷ lệ chiết khấu tài sản đối với từng loại chứng khoán thế chấp căn cứ vào mức thanh khoản và rủi ro của tài sản thế chấp.

**Điều 14. Rút, thay thế tài sản thế chấp**

1. Bên vay được quyền thay thế tài sản thế chấp với điều kiện chứng khoán thế chấp thay thế phải nằm trong danh mục chứng khoán được dùng làm tài sản thế chấp và giá trị tài sản thế chấp thay thế đáp ứng tỷ lệ với giá trị khoản



vay theo quy định của VSD và được bên cho vay chấp thuận theo Hợp đồng vay/cho vay chứng khoán giữa hai bên.

2. Trường hợp thay thế tài sản thế chấp, bên vay gửi VSD giấy đề nghị thay thế tài sản thế chấp (Mẫu 07/SBL của Quy chế này) đồng thời đăng nhập thông tin về tài sản thế chấp thay thế vào hệ thống SBL.

3. Bên vay buộc phải thay thế tài sản thế chấp trong các trường hợp sau:

a. Chứng khoán được sử dụng làm tài sản thế chấp không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

b. Trái phiếu Chính phủ đến thời hạn đáo hạn hoặc trong danh mục hoán đổi.

4. Trong các trường hợp bị buộc phải thay thế tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 3 Điều này, VSD gửi văn bản yêu cầu thay thế tài sản thế chấp (Mẫu 08A/SBL, 08B/SBL của Quy chế này) bằng fax cho bên vay ngay tại ngày VSD công bố danh sách chứng khoán đủ điều kiện làm tài sản thế chấp hoặc ngày làm việc liền trước ngày trái phiếu Chính phủ ngừng giao dịch trên Sở Giao dịch.

5. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của VSD, bên vay phải gửi giấy đề nghị thay thế tài sản thế chấp (Mẫu 07/SBL của Quy chế này) cho VSD đồng thời đăng nhập thông tin về tài sản thế chấp thay thế vào hệ thống SBL. Nếu quá thời hạn trên mà bên vay không nộp thêm đủ tài sản theo thông báo của VSD, thỏa thuận vay được xử lý như trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay.

6. Bên vay được quyền rút tài sản thế chấp trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp sau khi định giá lại có giá trị lớn hơn 115% giá trị chứng khoán vay nhưng chỉ được rút phần vượt quá 115% giá trị chứng khoán vay. Trường hợp rút tài sản thế chấp, bên vay gửi VSD giấy rút tài sản thế chấp (Mẫu 09/SBL của Quy chế này) đồng thời đăng nhập thông tin về rút tài sản thế chấp vào hệ thống SBL.

## **CHƯƠNG IV**

### **HỆ THỐNG THỎA THUẬN VAY VÀ CHO VAY**

#### **Điều 15. Nguyên tắc tham gia hoạt động vay, cho vay chứng khoán**

1. Các bên vay và cho vay phải ký hợp đồng vay và cho vay (Phụ lục 02 của Quy chế này) trước khi chuyển thông tin vào hệ thống SBL đối với giao dịch vay và cho vay theo phương thức thoả thuận trực tiếp hoặc sau khi xác lập được thoả thuận vay và cho vay đối với giao dịch vay và cho vay theo phương thức thoả thuận qua hệ thống.

2. Các bên tham gia hệ thống SBL cần đáp ứng các điều kiện sau:

a. Bên vay phải nộp đủ tài sản thế chấp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này và có yêu cầu vay hợp lệ đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này được nhập vào hệ thống SBL.

b. Bên cho vay có đủ chứng khoán đủ điều kiện cho vay tại tài khoản chứng khoán giao dịch và đã xác nhận yêu cầu vay do bên vay nhập vào hệ thống SBL thông qua TVLK nơi bên cho vay mở tài khoản giao dịch chứng khoán.

3. Chỉ TVLK, TCMTKTT tại VSD mới được tham gia đăng nhập yêu cầu vay/cho vay, chào vay/chào cho vay vào hệ thống SBL.

#### **Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của TVLK, TCMTKTT tham gia hệ thống SBL**

1. Thực hiện hoạt động cho vay cho chính mình hoặc làm trung gian giao dịch cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cho vay chứng khoán.

2. Được vay cho chính mình để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo đúng quy định pháp luật có liên quan.

3. Phải ký hợp đồng cung cấp/ nhận dịch vụ với/ từ VSD và thông báo thông tin tài khoản quản lý tài sản thế chấp bằng tiền với VSD (Phụ lục 03,04 của Quy chế này).

4. Kiểm tra và đảm bảo khách hàng có đủ chứng khoán cho vay hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

5. Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thanh toán để quản lý tài sản thế chấp bằng tiền (trong trường hợp thực hiện vay chứng khoán) và phải có đầy đủ tài sản thế chấp đủ điều kiện để đảm bảo khoản vay theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Quy chế này.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của VSD liên quan đến hoạt động vay và cho vay chứng khoán.

#### **Điều 17. Phương thức thỏa thuận vay/cho vay trên hệ thống SBL**

1. Các bên vay và cho vay được thực hiện giao dịch vay và cho vay theo phương thức thỏa thuận trực tiếp hoặc thỏa thuận qua hệ thống. Thỏa thuận vay và cho vay chỉ có hiệu lực khi được xác lập trên hệ thống SBL tại VSD.

2. Yêu cầu vay khi đăng nhập vào hệ thống SBL phải có đầy đủ các thông tin sau:

a. Loại yêu cầu: vay/cho vay;

b. Tên bên vay, bên cho vay và TVLK đại diện cho bên cho vay;

c. Số hiệu tài khoản giao dịch chứng khoán của bên vay và bên cho vay;

d. Loại hợp đồng vay và cho vay (vay hỗ trợ thanh toán cho TVLK/vay lập quỹ hoặc hoán đổi quỹ ETF/vay TPCP để thanh toán chuyên giao tài sản cơ sở/ vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường);

d. Thời gian của hợp đồng vay/cho vay;

e. Mã chứng khoán và số lượng chứng khoán vay/cho vay;

f. Mức lãi suất vay/cho vay;

g. Loại và số lượng tài sản thế chấp.

3. Đơn vị yết lãi suất là 0,01%/năm đối với thỏa thuận vay trái phiếu và 0,1%/năm với thỏa thuận vay/cho vay cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.

4. Hệ thống SBL không giới hạn số lượng chứng khoán vay/cho vay. Số lượng chứng khoán vay của bên vay phải thuộc phạm vi số lượng chứng khoán được phép vay theo quy định.

5. Thời gian hệ thống SBL mở để tiếp nhận Yêu cầu vay/cho vay, Chào vay, Chào cho vay và xác lập thỏa thuận vay/cho vay là từ 09h00 - 15h00 các ngày làm việc trừ các ngày nghỉ giao dịch theo quy định của pháp luật.

6. Thỏa thuận vay/cho vay được xác lập ngay sau khi bên cho vay/TVLK đại diện bên cho vay xác nhận đồng ý trên hệ thống SBL.

7. Yêu cầu vay được hủy bỏ sau thời gian quy định tại khoản 5 Điều này đối với các trường hợp:

a. Khi thỏa thuận vay/cho vay chưa được xác lập trên hệ thống SBL;

b. Bên cho vay/TVLK đại diện cho bên cho vay không xác nhận Yêu cầu vay đã nhập vào hệ thống SBL;

c. Tiền dùng làm tài sản thế chấp chưa có trên tài khoản của bên vay mở tại Ngân hàng Thanh toán theo xác nhận của Ngân hàng;

d. Chứng khoán dùng làm tài sản thế chấp chưa có trên tài khoản của bên vay trên hệ thống của VSD.

8. Chào vay chưa được thỏa thuận được tự động hủy khi kết thúc thời gian giao dịch theo quy định tại khoản 5 Điều này. Chào cho vay chưa được thỏa thuận hoặc mới thỏa thuận một phần vẫn có hiệu lực vào các ngày tiếp theo trừ trường hợp bên cho vay tự hủy Chào cho vay.

#### **Điều 18. Trình tự, thủ tục xác lập thỏa thuận vay/cho vay**

1. Trường hợp thỏa thuận trực tiếp:

a. Sau khi thống nhất các điều kiện vay và cho vay bao gồm loại và số lượng chứng khoán, lãi suất khoản vay, loại và số lượng tài sản thế chấp, ...bên vay đăng nhập Yêu cầu vay vào hệ thống SBL.

b. Thỏa thuận vay/cho vay được xác lập trên hệ thống SBL (Mẫu 10/SBL của Quy chế này) khi bên cho vay/ TVLK đại diện cho bên cho vay thực hiện



xác nhận đồng ý các nội dung trong Yêu cầu vay mà bên vay đã nhập vào hệ thống và bên vay nộp đủ tài sản thế chấp.

c. Trong thời hạn 01 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo thỏa thuận vay/cho vay đã được xác lập trên hệ thống SBL thông qua cổng giao tiếp điện tử, bên vay phải chuyển tới VSD hồ sơ vay chứng khoán bao gồm các tài liệu sau:

i. Giấy đề nghị cho vay chứng khoán của người đầu tư có chứng khoán cho vay (Mẫu 11/SBL của Quy chế này);

ii. Giấy ủy quyền của người đầu tư có chứng khoán cho vay cho TVLK nơi mở tài khoản lưu ký chứng khoán (Mẫu 12/SBL của Quy chế này);

iii. Hợp đồng vay/cho vay chứng khoán giữa bên vay, bên cho vay và TVLK nơi bên cho vay mở tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có).

d. Trường hợp TVLK là bên cho vay, hồ sơ gửi tới VSD chỉ bao gồm tài liệu quy định tại tiết iii điểm c khoản này.

2. Trường hợp thỏa thuận qua hệ thống:

a. Bên vay, bên cho vay/TVLK đại diện bên cho vay nhập Chào vay/Chào cho vay vào hệ thống SBL để tìm đối tác cho vay/vay.

b. Sau khi thống nhất được các điều kiện vay, cho vay với đối tác tương ứng, bên vay, bên cho vay/TVLK đại diện bên cho vay thực hiện các quy trình, thủ tục tương tự như trường hợp thỏa thuận trực tiếp quy định tại khoản 1 Điều này.

## **CHƯƠNG V**

### **HẠCH TOÁN CHUYỂN GIAO/HOÀN TRẢ CHỨNG KHOÁN CHO VAY VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

#### **Điều 19. Chuyển giao chứng khoán cho vay**

1. Chứng khoán cho vay được chuyển từ tài khoản chứng khoán giao dịch sang tài khoản chứng khoán chờ cho vay của Bên cho vay tại VSD ngay sau khi lệnh cho vay được xác lập trên hệ thống SBL.

2. Sau khi thỏa thuận vay và cho vay được xác lập trên hệ thống SBL, tùy vào mục đích trong các hợp đồng vay/cho vay chứng khoán, VSD thực hiện chuyển khoản chứng khoán cho vay:

a. Đối với trường hợp vay chứng khoán để hỗ trợ thanh toán: từ tài khoản chứng khoán chờ cho vay của bên cho vay sang tài khoản chứng khoán chờ thanh toán của bên vay.

b. Đối với trường hợp vay để góp vốn hoặc hoán đổi danh mục: từ tài khoản chứng khoán chờ cho vay của bên cho vay sang tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của bên vay.

c. Đối với trường hợp vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở: từ tài khoản chứng khoán chờ cho vay của bên cho vay sang tài khoản chứng khoán ký quỹ của bên vay.

d. Đối với trường hợp vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường: từ tài khoản chứng khoán chờ cho vay của bên cho vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay.

3. Ngay sau khi thực hiện hạch toán chứng khoán cho vay theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này, VSD gửi TVLK bên cho vay và bên vay “Giấy xác nhận hạch toán chứng khoán cho vay” (Mẫu 13A/SBL, 13B/SBL, 13C/SBL của Quy chế này) thông qua cổng giao tiếp điện tử để thực hiện hạch toán tương ứng tại Thành viên. Chứng từ gốc được gửi đến TVLK/TCMTKTT liên quan trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực hạch toán.

#### **Điều 20. Hoàn trả chứng khoán cho vay**

1. Sau khi nhận được hồ sơ hoàn trả khoản vay của bên vay quy định tại Điều 7 Quy chế này, VSD thực hiện chuyển chứng khoán vay từ tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên cho vay trên hệ thống của VSD và gửi TVLK bên cho vay và bên vay xác nhận thông qua cổng giao tiếp điện tử để thực hiện hạch toán tương ứng tại Thành viên. Chứng từ gốc (Mẫu 04/SBL) có xác nhận của VSD được gửi đến TVLK/TCMTKTT liên quan trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực hạch toán.

2. Trường hợp Thành viên lập Quỹ ETF không sử dụng hết chứng khoán vay để góp vốn hoặc hoán đổi danh mục và có hồ sơ đề nghị hoàn trả khoản vay theo quy định tại Điều 7 Quy chế này gửi VSD, VSD thực hiện chuyển chứng khoán vay từ tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của bên vay (Thành viên lập Quỹ ETF) sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên cho vay trên hệ thống của VSD hoặc sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay trên hệ thống của VSD trong trường hợp phải hoàn trả khoản vay bằng tiền do bên cho vay là nhà đầu tư nước ngoài nhận hoàn trả khoản vay bằng chứng khoán dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định của nhà đầu tư nước ngoài và gửi TVLK bên cho vay và bên vay xác nhận thông qua cổng giao tiếp điện tử để thực hiện hạch toán tương ứng tại Thành viên. Chứng từ gốc (Mẫu 04/SBL) có xác nhận của VSD được gửi đến TVLK liên quan trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực hạch toán.

#### **Điều 21. Phong tỏa tài sản thế chấp**



1. Chứng khoán dùng làm tài sản thế chấp được VSD chuyển từ tài khoản chứng khoán giao dịch sang tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của bên vay tại VSD ngay sau khi thỏa thuận vay/cho vay được xác lập trên hệ thống SBL.

2. Tiền dùng làm tài sản thế chấp được phong tỏa trên tài khoản tiền gửi của bên vay mở tại Ngân hàng thanh toán trước khi thỏa thuận vay/cho vay được xác lập trên hệ thống SBL căn cứ vào thông báo của VSD gửi Ngân hàng thanh toán (Mẫu 15A/SBL của Quy chế này).

3. Sau khi thực hiện phong tỏa tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 1,2 Điều này, VSD gửi bên vay thông qua cổng giao tiếp điện tử “Giấy xác nhận chuyển khoản phong tỏa chứng khoán thế chấp” (Mẫu 16/SBL của Quy chế này) đối với trường hợp tài sản thế chấp là chứng khoán và “Xác nhận phong tỏa tiền” của Ngân hàng thanh toán (Mẫu 17/SBL của Quy chế này) đối với trường hợp tài sản thế chấp là tiền. Chứng từ gốc được gửi tới TVLK/TCMTKTT liên quan trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực hạch toán.

#### **Điều 22. Giải tỏa tài sản thế chấp**

1. Tài sản thế chấp được giải tỏa ngay sau khi VSD hoàn tất xử lý hồ sơ hoàn trả khoản vay của bên vay. Bên vay gửi VSD hồ sơ đề nghị giải tỏa tài sản thế chấp gồm:

a. Tài liệu chứng minh đã hoàn trả tiền lãi khoản vay cho bên cho vay hoặc văn bản đề nghị VSD khấu trừ giá trị tương ứng lãi khoản vay từ giá trị tài sản thế chấp bằng tiền để trả cho bên cho vay và tài liệu chứng minh đã thanh toán lợi ích vật chất phát sinh (nếu có) đến chứng khoán cho vay;

b. Yêu cầu giải tỏa tài sản thế chấp (Mẫu 18/SBL của Quy chế này).

2. Chứng khoán thế chấp được chuyển khoản từ tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của bên vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của chính thành viên đó. VSD thông báo cho Ngân hàng thanh toán thực hiện giải tỏa tiền thế chấp (nếu có) trên tài khoản tiền gửi thanh toán của TVLK/TCMTKTT tại Ngân hàng (Mẫu 15B/SBL, 15C/SBL của Quy chế này).

3. Sau khi thực hiện giải tỏa tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 2 Điều này, VSD gửi bên vay thông qua cổng giao tiếp điện tử “Giấy xác nhận chuyển khoản giải tỏa chứng khoán thế chấp” (Mẫu 19A/SBL, 19B/SBL của Quy chế này) đối với trường hợp tài sản thế chấp là chứng khoán và “Xác nhận giải tỏa tiền” của Ngân hàng thanh toán (Mẫu 20A/SBL, 20B/SBL của Quy chế này) đối với trường hợp tài sản thế chấp là tiền. Chứng từ gốc được gửi tới TVLK/TCMTKTT liên quan trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực trên chứng từ hạch toán.



## CHƯƠNG VI

### QUYỀN, LỢI ÍCH PHÁT SINH LIÊN QUAN ĐẾN CHỨNG KHOÁN THẾ CHẤP VÀ CHỨNG KHOÁN CHO VAY

#### **Điều 23. Quyền phát sinh liên quan đến tài sản thế chấp**

Bên vay được hưởng toàn bộ quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán thế chấp và lãi phát sinh từ khoản tiền thế chấp trên tài khoản tiền gửi của chính bên vay mở tại Ngân hàng thanh toán.

#### **Điều 24. Lợi ích vật chất phát sinh đến chứng khoán cho vay**

1. Các lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến số chứng khoán cho vay trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng vay/cho vay chứng khoán được tính vào giá trị khoản vay khi tất toán hợp đồng vay.

2. Trừ khi các bên có thoả thuận khác, lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay được xác định theo cách thức sau:

a. Đối với cổ tức bằng tiền, lãi, gốc trái phiếu:

$$V_R = R \times Q_L \times \text{Mệnh giá}$$

Trong đó:

$V_R$  là số tiền được nhận

$R$  là tỷ lệ cổ tức (theo thông báo của tổ chức phát hành); tiền lãi hoặc gốc trái phiếu

$Q_L$  là số lượng chứng khoán cho vay

b. Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, ... thì việc hoàn trả thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

i. Hoàn trả toàn bộ số cổ phiếu thưởng, cổ tức nhận được theo thông báo thực hiện quyền của tổ chức phát hành;

ii. Hoàn trả bằng tiền theo thoả thuận của hai bên.

c. Đối với chứng khoán phát hành thêm: thực hiện theo thoả thuận của hai bên trong Hợp đồng vay/cho vay chứng khoán.

3. Trong ngày làm việc liền sau ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách nhà đầu tư được hưởng quyền theo thông báo của tổ chức phát hành, VSD gửi thông báo đến bên vay và bên cho vay về các lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay (Mẫu 21/SBL của Quy chế này).

4. Việc thanh toán các lợi ích vật chất phát sinh đến chứng khoán cho vay do bên vay và bên cho vay tự thực hiện theo thoả thuận giữa hai bên.

5. Mọi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật thuộc về chủ sở hữu chứng khoán có tên trong danh sách cổ đông của tổ chức phát hành.

## CHƯƠNG VII

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### **Điều 25. Điều khoản thi hành**

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các bên liên quan liên hệ với VSD để được hướng dẫn, giải quyết.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc VSD quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị VSD thông qua và có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO GIA HẠN KHOẢN VAY**

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ thỏa thuận gia hạn khoản vay ngày ..... giữa ..... và (tên TVLK bên vay), TVLK bên vay ..... đề nghị VSD xác lập thông tin gia hạn khoản vay, cụ thể:

1. Lệnh vay gốc:

- Bên vay: ..... Số TKGD:.....
- Bên cho vay: ..... Số TKGD: .....
- TVLK đại diện bên cho vay: .....
- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
- Chi tiết chứng khoán vay:
  - + Mã chứng khoán:
  - + Số lượng:
- Lãi suất: ..... Ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....

2. Gia hạn khoản vay:

Lần gia hạn khoản vay:	<input type="checkbox"/> Lần 1	<input type="checkbox"/> Lần 2	<input type="checkbox"/> Lần 3
Lãi suất trong thời gian gia hạn:			
Số ngày gia hạn:			
Ngày hoàn trả (sau khi gia hạn)			

**ĐẠI DIỆN BÊN VAY**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD):

- VSD xác nhận thông tin gia hạn khoản vay do ...(tên TVLK bên vay) đã thông báo với VSD.

- Ngày xác nhận: .....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ..... tháng..... năm.....

**THỎA THUẬN GIA HẠN KHOẢN VAY**

Bên vay: .....  
TKGD bên vay:.....  
Bên cho vay: .....  
TKGD bên cho vay: .....  
TVLK đại diện bên cho vay (trường hợp bên cho vay không phải là thành viên của VSD):  
.....

Hai bên cùng thỏa thuận gia hạn khoản vay đối với Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ..... ngày .... /..... /....., chi tiết:

## 1. Lệnh vay gốc:

- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
- Chi tiết về chứng khoán vay:
  - + Mã chứng khoán:
  - + Số lượng:
  - Lãi suất: ..... Ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....

## 2. Gia hạn khoản vay:

Lần gia hạn khoản vay:	<input type="checkbox"/> Lần 1	<input type="checkbox"/> Lần 2	<input type="checkbox"/> Lần 3
Lãi suất trong thời gian gia hạn:			
Số ngày gia hạn:			
Ngày hoàn trả (sau khi gia hạn)			

*Trường hợp bên cho vay không phải là thành viên của VSD:*

Bên cho vay ủy quyền cho TVLK đại diện bên cho vay xác lập thông tin về gia hạn khoản vay trên hệ thống SBL của VSD.

**BÊN CHO VAY**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BÊN VAY**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN                      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày..... tháng..... năm...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CHUYỂN TRẢ CHỨNG KHOÁN CHO BÊN CHO VAY**

**Kính gửi:      Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**

- Căn cứ vào Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ..... ký ngày..... giữa (bên vay) và ..... (bên cho vay);

- Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng giữa (bên vay) và ..... (bên cho vay);  
TVLK (bên vay) đề nghị VSD thực hiện chuyển khoản chứng khoán hoàn trả khoản vay, cụ thể:

1. Bên chuyển khoản: .....  
Số tài khoản: ..... Mở tại: .....
2. Bên nhận chuyển khoản: .....  
Số tài khoản: ..... Mở tại: .....

**Chi tiết chứng khoán chuyển khoản:**

- Mã chứng khoán:
- Số lượng:

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BÊN VAY**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày..... tháng..... năm....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CHUYỂN TRẢ CHỨNG KHOÁN CHO BÊN CHO VAY**  
(áp dụng trường hợp hoàn trả một phần/toàn bộ trước hạn bằng chứng khoán)

**Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**

- Căn cứ vào Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ..... ký ngày..... giữa (bên vay) và ..... (bên cho vay), chi tiết:

- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)

Chi tiết về chứng khoán vay:

- Mã chứng khoán:
- Số lượng:
- Lãi suất: .....
- Ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....

TVLK (bên vay) đề nghị VSD thực hiện chuyển khoản chứng khoán hoàn trả một phần/toàn bộ trước hạn bằng chứng khoán cho bên cho vay, cụ thể:

1. Bên chuyển khoản: .....  
Số tài khoản: ..... Mở tại: .....
2. Bên nhận chuyển khoản: .....  
Số tài khoản: ..... Mở tại: .....

**Chi tiết chứng khoán chuyển khoản:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng
1		
2		
...		

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BÊN VAY**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)





(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày... ..tháng..... năm .....

**THÔNG BÁO**  
**TẮT TOÁN THỎA THUẬN VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN**

- Căn cứ vào Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ..... ký ngày..... giữa (bên vay) và ..... (bên cho vay);

- Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng giữa (bên vay) và ..... (bên cho vay);

Công ty...(TVLK bên vay) xác nhận thông tin tắt toán thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống của VSD như sau:

- Bên vay: ..... Số TKGD:.....
- Bên cho vay: ..... Số TKGD: .....
- TVLK đại diện bên cho vay: .....
- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
- Ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay: .....
- Số ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....
- Lãi suất vay: .....

1. Chứng khoán vay:

- Mã chứng khoán:
- Số lượng:
- Giá trị khoản vay định giá tại ngày xx/xx/xxxx:

2. Tài sản thế chấp:

+ Tiền: ..... (Bằng chữ: .....) )

+ Chứng khoán:

STT	Mã CK	Số lượng	Giá trị định giá tại ngày xx/xx/xxxx
1			
2			
...			
	<b>Cộng</b>		

3. Hoàn trả:

- Bằng tiền:.....(Bằng chữ:.....)
- Bằng chứng khoán: Mã chứng khoán: ..... Số lượng:
- Lãi khoản vay:.....(Bằng chữ:.....)

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: ....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...../VSD-SBL

Hà Nội, Ngày tháng năm 201

**THÔNG BÁO**  
**NỘP BỔ SUNG TÀI SẢN THỂ CHẤP**

Kính gửi: TVLK bên vay

Căn cứ giá trị khoản vay và giá trị tài sản thể chấp xác định lại tại ngày ....., VSD thông báo tới Quý Thành viên việc nộp bổ sung tài sản thể chấp như sau:

1. Lệnh vay gốc:
  - Số hợp đồng vay/cho vay: ..... Ngày .....
  - Bên cho vay: .....
  - Số TKGD:..... tại: .....
  - Loại hợp đồng vay/cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
  - Chi tiết chứng khoán vay:
    - + Mã chứng khoán:
    - + Số lượng:
  - Lãi suất: ..... Ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....
2. Giá trị khoản vay xác định lại tại ngày / / : .....
3. Giá trị TSTC xác định lại tại ngày / / : .....
4. Giá trị TSTC phải nộp theo quy định (4=2x tỷ lệ thể chấp theo quy định): .....
5. Giá trị TSTC phải nộp bổ sung (5=4-3):.....

Đề nghị Quý Công ty nộp bổ sung tài sản thể chấp theo thông báo của VSD chậm nhất vào ngày xx/xx /xxxx. Quá thời hạn trên, Quý Công ty không nộp bổ sung tài sản thể chấp và giá trị tài sản thể chấp định giá lại tại ngày xx/xx /xxxx thấp hơn mức quy định thì thoả thuận vay sẽ được coi là mất khả năng hoàn trả khoản vay và sẽ được xử lý theo quy định tại Quy chế SBL của VSD.

Nơi nhận:  
- Như trên  
- Lưu: ....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

THÀNH VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, Ngày..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
THAY THẾ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ giá trị khoản vay và giá trị tài sản thế chấp xác định lại tại ngày ..... của khoản vay ngày ....., (tên TVLK bên vay) đề nghị VSD thay thế tài sản thế chấp, cụ thể:

1. Lệnh vay gốc:

- Số hợp đồng vay/cho vay: ..... Ngày .....
- Bên cho vay: .....
- Số TKGD: ..... tại: .....
- Loại hợp đồng vay/cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
- Chi tiết chứng khoán vay:

+ Mã chứng khoán:

+ Số lượng:

- Lãi suất: ..... Ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....

2. Giá trị khoản vay xác định lại tại ngày / / : .....

3. Giá trị TSTC phải nộp theo quy định ( $3=2 \times \text{tỷ lệ thế chấp theo quy định}$ ):

.....

4. Giá trị TSTC đã nộp:.....

+ Tiền: .....(Bằng chữ: .....)

+ Chứng khoán:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị xác định tại ngày .../.../....
1			
2			
...			
<b>Cộng</b>			

5. Giá trị TSTC thay thế ( $5=3$ ):.....

+ Tiền: .....(Bằng chữ: .....)

+ Chứng khoán:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị xác định tại ngày .../.../....
1			
2			
...			
<b>Cộng</b>			

**ĐẠI DIỆN BÊN VAY**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

**TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ...../VSD-SBL

Hà Nội, Ngày..... tháng ..... năm .....

## THÔNG BÁO THAY THẾ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Kính gửi: TVLK bên vay

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thông báo tới Quý Công ty về việc thay thế tài sản thế chấp cho hợp đồng vay và cho vay chứng khoán như sau:

## 1. Lệnh vay gốc:

- Số hợp đồng vay/cho vay: ..... Ngày .....
- Bên cho vay: .....
- Số TKGD:..... tại: .....
- Loại hợp đồng vay/cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường).
- Chi tiết chứng khoán vay:

+ Mã chứng khoán:

+ Số lượng:

- Lãi suất: ..... Ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....

## 2. Chứng khoán thế chấp phải thay thế:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng
1		
2		
...		
<b>Cộng</b>		

- Lý do thay thế TSTC: .....

Đề nghị Quý Công ty thay thế tài sản thế chấp theo thông báo của VSD chậm nhất vào ngày / / . Giá trị tài sản thế chấp thay thế được xác định theo nguyên tắc định giá tài sản thế chấp tại ngày Quý Công ty thực hiện thay thế tài sản thế chấp.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: ....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAMCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...../VSD-SBL

Hà Nội, Ngày... .. tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO  
THAY THẾ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

Kính gửi: TVLK bên vay

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thông báo tới Quý Công ty về việc thay thế tài sản thế chấp cho hợp đồng vay và cho vay chứng khoán như sau:

1. Lệnh vay gốc:

- Số hợp đồng vay/cho vay: ..... Ngày .....
- Bên cho vay: .....
- Số TKGD:..... tại: .....
- Loại hợp đồng vay/cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
- Chi tiết chứng khoán vay:

+ Mã chứng khoán:

+ Số lượng:

- Lãi suất: ..... Ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....

2. Chứng khoán thế chấp phải thay thế:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị xác định tại ngày ...../...../.....
1			
2			
...			
	<b>Cộng</b>		

- Lý do thay thế TSTC: .....

Đề nghị Quý Công ty thay thế tài sản thế chấp theo thông báo của VSD chậm nhất vào ngày / / . Quá thời hạn trên, Quý Công ty không thay thế tài sản thế chấp để đáp ứng tỷ lệ thế chấp theo quy định sẽ được coi là mất khả năng hoàn trả khoản vay và sẽ được xử lý theo quy định tại Quy chế SBL của VSD.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: ....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO  
RÚT TÀI SẢN THẾ CHẤP**

Kính gửi: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ giá trị khoản vay và giá trị tài sản thế chấp xác định lại tại ngày ..... của khoản vay ngày ....., (tên TVLK bên vay) đề nghị Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cho phép rút tài sản thế chấp như sau:

1. Lệnh vay gốc:

- Số hợp đồng vay/cho vay: ..... Ngày .....
- Bên cho vay: .....
- Số TKGD:..... tại: .....
- Loại hợp đồng vay/cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường).
- Chi tiết chứng khoán vay:

+ Mã chứng khoán:

+ Số lượng:

- Lãi suất: ..... Ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....
- 2. Giá trị khoản vay xác định lại tại ngày / / : .....
- 3. Giá trị TSTC phải nộp theo quy định (3=2x115%): .....
- 4. Giá trị tài sản thế chấp đã nộp: .....

Trong đó:

- + Tiền: ..... (Bằng chữ: .....) )
- + Chứng khoán:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị xác định tại ngày.../.../...
1			
2			
...			
	<b>Cộng</b>		

5. Giá trị tài sản thế chấp đề nghị rút:

- + Tiền: ..... (Bằng chữ: .....) )

+ Chứng khoán:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị xác định tại ngày ...../...../.....
1			
2			
...			
	<b>Cộng</b>		

*Nơi nhận:*

- Như trên
- Lưu: ....

**ĐẠI DIỆN BÊN VAY**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VSD-SBL

Hà Nội, Ngày.....tháng.....năm .....

**THÔNG BÁO**  
**XÁC LẬP THỎA THUẬN VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN**

Căn cứ yêu cầu vay của ..... (bên vay) và xác nhận của ..... (bên cho vay) về thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán, VSD xác nhận thông tin về thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống của VSD như sau:

- Bên vay: ..... Số TKGD: .....
- Bên cho vay: ..... Số TKGD: .....
- TVLK đại diện bên cho vay: .....
- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)
- Ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay: .....
- Số ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....
- Lãi suất vay: .....

## 1. Chứng khoán vay:

STT	Mã CK	Số lượng	Giá trị khoản vay tại ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay
1			
2			
...			
	<b>Cộng</b>		

## 2. Tài sản thế chấp:

+ Tiền: ..... (Bằng chữ: .....

+ Chứng khoán:

STT	Mã CK	Số lượng	Giá trị CK thế chấp tại ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay
1			
2			
...			
	<b>Cộng</b>		

+ Tổng giá trị TSTC: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: ....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: ..... (tên TVLK đại diện bên cho vay)  
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Tên người đầu tư:.....

Đại diện ( trường hợp là nhà đầu tư tổ chức):.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax.....

Số tài khoản giao dịch:..... tại: .....

*Trường hợp đã xác định được bên vay (thỏa thuận trực tiếp):*

Căn cứ Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán đã ký giữa tôi/chúng tôi với.... ..(tên TVLK vay), đề nghị (tên TVLK đại diện bên cho vay) xác lập thông tin thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán, cụ thể:

- Bên vay: ..... Số TKGD: .....

- TVLK đại diện bên vay: .....

- Chi tiết chứng khoán cho vay:

+ Mã chứng khoán:

+ Số lượng:

- Thời hạn cho vay: ... ngày. Ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay:.....

- Lãi suất cho vay: .....

*Trường hợp chưa xác định được bên vay (thỏa thuận qua hệ thống):*

Căn cứ nhu cầu cho vay chứng khoán của tôi/chúng tôi, đề nghị (tên TVLK đại diện bên cho vay) xác lập thông tin chào cho vay của tôi/chúng tôi, cụ thể:

- Chi tiết chứng khoán cho vay:

+ Mã chứng khoán:

+ Số lượng:

- Thời hạn cho vay: ..... Lãi suất cho vay: .....

- Trường hợp tôi/chúng tôi không còn nhu cầu cho vay chứng khoán, tôi/chúng tôi sẽ thông báo trước cho (tên TVLK đại diện bên cho vay) trước 03 ngày làm việc để hủy bỏ thông tin chào cho vay của tôi/chúng tôi.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người cho vay chứng khoán**

*Chữ ký, ghi rõ họ tên,*

*Đóng dấu (nếu là tổ chức)*

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ỦY QUYỀN**

Tên người đầu tư:.....

Đại diện (trường hợp là nhà đầu tư tổ chức):.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Fax.....

Số tài khoản giao dịch:..... tại: .....

*Trường hợp đã xác định được bên vay (thỏa thuận trực tiếp):*

Căn cứ Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán đã ký giữa tôi/chúng tôi với.... ..(tên TVLK vay), tôi/chúng tôi uỷ quyền cho (tên TVLK nơi mở tài khoản giao dịch) xác lập thông tin thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán theo Giấy đề nghị cho vay chứng khoán (đính kèm) trên hệ thống SBL tại VSD

*Trường hợp chưa xác định được bên vay (thỏa thuận qua hệ thống):*

Căn cứ nhu cầu cho vay chứng khoán của tôi/chúng tôi, tôi/chúng tôi uỷ quyền cho (tên TVLK nơi mở tài khoản giao dịch) xác lập thông tin chào cho vay chứng khoán theo Giấy đề nghị cho vay chứng khoán (đính kèm) trên hệ thống SBL tại VSD

**Người uỷ quyền**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*







(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN  
CHUYỂN KHOẢN CHỨNG KHOÁN VAY**  
( áp dụng cho trường hợp lệnh cho vay không được xác lập)

Kính gửi: TVLK đại diện bên cho vay

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận về việc chuyển khoản chứng khoán từ tài khoản chứng khoán chờ cho vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch do Quý Công ty không xác nhận yêu cầu vay đã nhập trên hệ thống SBL tại VSD như sau:

- Người cho vay:                      Số tài khoản:
- Số tài khoản lưu ký TVLK:
- Chứng khoán chuyển khoản:
- Mã chứng khoán:
- Số lượng:

Ngày hiệu lực chuyển khoản: .....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...../VSD-SBL

Hà Nội, Ngày..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO  
PHONG TỎA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Kính gửi: Ngân hàng thanh toán  
TVLK bên vay

Căn cứ thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán được xác lập trên hệ thống SBL của VSD, VSD đề nghị Quý Ngân hàng thực hiện phong tỏa tài khoản tiền gửi của ..... (tên TVLK bên vay) mở tại Quý Ngân hàng, cụ thể như sau:

1. Tên tài khoản: .....
2. Số hiệu tài khoản: .....
3. Số dư phong tỏa: .....
4. Ngày phong tỏa: .....

Việc giải tỏa số dư phong tỏa trên tài khoản tiền gửi này chỉ được thực hiện khi có thông báo của VSD.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu LK.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...../VSD-SBL

Hà Nội, Ngày..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**  
**GIẢI TỎA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Kính gửi: Ngân hàng thanh toán  
TVLK bên vay

Căn cứ hồ sơ đề nghị giải toàn tài sản thế chấp của .....(tên TVLK bên vay), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) đề nghị Quý Ngân hàng thực hiện giải tỏa tài khoản tiền gửi của ..... (tên TVLK bên vay) mở tại Quý Ngân hàng, cụ thể như sau:

1. Tên tài khoản: .....
2. Số hiệu tài khoản: .....
3. Số dư giải tỏa: .....
4. Ngày giải tỏa: .....

*Trường hợp khấu trừ tiền thế chấp để trả lãi cho bên cho vay:*

Đồng thời thực hiện việc chuyển khoản trả lãi khoản vay cho bên cho vay như sau:

1. Bên chuyển khoản:
  - Tên tài khoản: .....
  - Số hiệu tài khoản: .....
2. Bên nhận chuyển khoản:
  - Tên tài khoản: .....
  - Số hiệu tài khoản: .....
3. Số tiền chuyển khoản:.....(Bằng chữ:.....)
4. Ngày chuyển khoản: .....

Trân trọng!

**Nơi nhận:**  
- Như trên  
- Lưu LK.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...../VSD-SBL

Hà Nội, Ngày..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**  
**GIẢI TOẢ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**  
(áp dụng trong trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay)

Kính gửi: Ngân hàng thanh toán  
TVLK bên vay  
TVLK bên cho vay

Căn cứ quy định tại Quy chế SBL của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) về xử lý trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) đề nghị Quý Ngân hàng thực hiện giải toả tài khoản tiền gửi của ..... (tên TVLK bên vay) mở tại Quý Ngân hàng, cụ thể như sau:

1. Tên tài khoản: .....
2. Số hiệu tài khoản: .....
3. Số dư giải toả: .....
4. Ngày giải toả: .....

Đồng thời chuyển khoản số tiền đã giải toả nêu trên vào tài khoản sau:

1. Tên tài khoản: .....
2. Số hiệu tài khoản: .....
3. Ngày chuyển khoản: .....

Trân trọng!

Nơi nhận:  
- Như trên  
- Lưu LK.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN  
CHUYỂN KHOẢN PHÒNG TOẢ CHỨNG KHOÁN THÉ CHẬP**

Kính gửi: **TVLK bên vay**

Căn cứ thoả thuận vay/cho vay chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống SBL tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), VSD xác nhận về việc chuyển khoản chứng khoán từ tài khoản chứng khoán giao dịch sang tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay như sau:

- Bên vay: Số tài khoản:
- Số tài khoản lưu ký TVLK:
- Chứng khoán chuyển khoản:

Mã CK	Số lượng	Giá trị (Theo mệnh giá)
CKA		
CK B		

Ngày hiệu lực chuyển khoản: .....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

NGÂN HÀNG THANH TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: \_\_\_\_\_

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO  
PHONG TỎA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam  
TVLK bên vay

Căn cứ công văn số ..... ngày .../.../..... của Trung tâm Lưu ký Chứng  
khoán Việt Nam (VSD) về việc phong tỏa tài khoản tiền gửi của TVLK.

Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà  
Thành xác nhận việc phong tỏa số dư theo yêu cầu của VSD như sau:

1. Tên tài khoản: .....
2. Số hiệu tài khoản: .....
3. Số dư phong tỏa: .....
4. Ngày phong tỏa: .....

Việc giải tỏa số dư phong tỏa trên tài khoản tiền gửi này sẽ được thực hiện khi có  
văn bản đề nghị của VSD.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: ....

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG THANH TOÁN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TÊN THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày.....tháng.....năm .....

**YÊU CẦU  
GIẢI TOẢ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

- Căn cứ vào Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ..... ký ngày..... giữa (bên vay) và ..... (bên cho vay);
  - Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng giữa (bên vay) và ..... (bên cho vay);
- Công ty...(TVLK bên vay) đề nghị VSD giải toả tài sản thế chấp khoản vay như sau:

1. Thông tin về khoản vay:

- Bên vay: ..... Số TKGD:.....
- Bên cho vay: ..... Số TKGD: .....
- TVLK đại diện bên cho vay: .....
- Loại hợp đồng vay và cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường).
- Ngày xác lập thỏa thuận vay và cho vay: .....
- Số ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....
- Lãi suất vay: .....
- Chứng khoán vay:
- + Mã chứng khoán:
- + Số lượng:

2. Tài sản thế chấp đề nghị giải toả:

- + Tiền: ..... (Bằng chữ: .....) )
- + Chứng khoán:

STT	Mã CK	Số lượng
1		
2		
...		
<b>Cộng</b>		

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: ....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN  
CHUYỂN KHOẢN GIẢI TOẢ CHỨNG KHOÁN THẺ CHẬP**

Kính gửi: **TVLK bên vay**

Căn cứ Hồ sơ hoàn trả khoản vay của bên vay, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận về việc chuyển khoản giải toả chứng khoán từ tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch như sau:

- Bên vay: Số tài khoản:
- Số tài khoản lưu ký TVLK:

Chứng khoán chuyển khoản:

Mã CK	Số lượng	Giá trị (Theo mệnh giá)
CKA		
CK B		

Ngày hiệu lực chuyển khoản: .....

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)





(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

NGÂN HÀNG THANH TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

Hà Nội, Ngày tháng năm 2013

**THÔNG BÁO  
GIẢI TỎA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam  
TVLK bên vay  
TVLK bên cho vay

Căn cứ công văn số ..... ngày .../.../..... của Trung tâm Lưu ký Chứng  
khoán Việt Nam (VSD) về việc giải tỏa tài khoản tiền gửi của TVLK.

Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà  
Thành xác nhận việc giải tỏa số dư theo yêu cầu của VSD như sau:

- Tên tài khoản: .....
- Số hiệu tài khoản: .....
- Số dư giải tỏa: .....
- Ngày giải tỏa: .....

*Trường hợp khấu trừ tiền thế chấp để trả lãi cho bên cho vay:*

Đồng thời đã chuyển khoản trả lãi khoản vay cho bên cho vay như sau:

1. Bên chuyển khoản:

- Tên tài khoản: .....
- Số hiệu tài khoản: .....

2. Bên nhận chuyển khoản:

- Tên tài khoản: .....
- Số hiệu tài khoản: .....

3. Số tiền chuyển khoản:.....(Bằng chữ:.....)

4. Ngày chuyển khoản: .....

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: ....

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG THANH TOÁN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

NGÂN HÀNG THANH TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: \_\_\_\_\_

Hà Nội, Ngày tháng năm 2013

**THÔNG BÁO  
GIẢI TÒA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam  
TVLK bên vay  
TVLK bên cho vay

Căn cứ công văn số ..... ngày .../.../..... của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) về việc giải tỏa tài khoản tiền gửi của TVLK.

Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành xác nhận việc giải tỏa số dư theo yêu cầu của VSD như sau:

- Tên tài khoản: .....
- Số hiệu tài khoản: .....
- Số dư giải tỏa: .....
- Ngày giải tỏa: .....

Đồng thời đã chuyển khoản số tiền giải tỏa nêu trên vào tài khoản sau:

- Tên tài khoản: .....
- Số hiệu tài khoản: .....
- Ngày chuyển khoản: .....

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: ....

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG THANH TOÁN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán)

TRUNG TÂM  
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAMCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...../VSD-SBL

Hà Nội, Ngày tháng năm

**THÔNG BÁO**  
**LỢI ÍCH VẬT CHẤT PHÁT SINH ĐẾN CHỨNG KHOÁN CHO VAY**Kính gửi: TVLK bên vay  
TVLK đại diện bên cho vay

Căn cứ Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán ngày ..... giữa TVLK (bên vay) và ....., VSD thông báo các lợi ích vật chất phát sinh đến chứng khoán cho vay như sau:

**1. Lệnh vay gốc:**

- Số hợp đồng vay/cho vay: ..... Ngày .....
- Bên cho vay: .....
- Số TKGD:..... tại: .....
- Loại hợp đồng vay/cho vay: (ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường).
- Chi tiết chứng khoán vay:
- + Mã chứng khoán:
- + Số lượng:
- Lãi suất: ..... Ngày vay: ..... Ngày hoàn trả: .....

**2. Lợi ích vật chất phát sinh từ chứng khoán cho vay:**

STT	Mã CK	Ngày ĐKCC	Số lượng CK vay	Tỷ lệ cổ tức, lãi, gốc trái phiếu		Chứng khoán được nhận theo BC phân bổ quyền	
				Tỷ lệ	Mệnh giá	Số lượng	Giá tham chiếu tại ngày GD không hưởng quyền
1							
....							
	<b>Cộng</b>						

Đề nghị (TVLK đại diện bên cho vay) thông báo cho bên cho vay về các lợi ích vật chất phát sinh đến chứng khoán cho vay. Việc thanh toán các lợi ích vật chất phát sinh đến chứng khoán cho vay do bên vay và bên cho vay tự thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu LK.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## PHỤ LỤC 01

### PHƯƠNG THỨC XÁC ĐỊNH DANH MỤC CHỨNG KHOÁN LÀM TÀI SẢN THỂ CHẤP

#### *Nguyên tắc:*

- Danh mục chứng khoán làm tài sản thể chấp được xác định và công bố định kỳ 6 tháng/lần và không thay đổi cho đến kỳ công bố tiếp theo trừ các trường hợp bị loại do bị hủy niêm yết.

- Các mã chứng khoán trong rổ chỉ số HNX30, VN30 mặc nhiên đủ điều kiện làm tài sản thể chấp hợp lệ, các mã chứng khoán khác được đưa vào danh mục tài sản thể chấp hợp lệ dựa trên *tính thanh khoản* của chứng khoán. Trường hợp trong kỳ công bố, mã chứng khoán bị Sở giao dịch chứng khoán loại ra khỏi rổ chỉ số HNX30, VN30 thì vẫn đủ điều kiện làm tài sản thể chấp hợp lệ với tỷ lệ khấu trừ là 40%.

#### *Trình tự xác định danh mục tài sản thể chấp hợp lệ dựa trên tính thanh khoản:*

- **Bước 1:** Chọn 250 mã chứng khoán (150 mã niêm yết ở HSX và 100 mã niêm yết ở HNX bao gồm cả các mã chứng khoán trong rổ chỉ số HNX30, VN30) có giá trị giao dịch bình quân phiên lớn nhất trong 12 tháng gần nhất của kỳ đánh giá;

- **Bước 2:** Sắp xếp tổng khối lượng giao dịch (KLGD) mỗi phiên của các mã đã lựa chọn trên trong từng tháng theo thứ tự từ cao đến thấp, chọn KLGD ở giữa làm KLGD trung vị (trong trường hợp có 2 ngày ở giữa thì sẽ lấy KLGD trung bình của 2 ngày này làm KLGD trung vị);

- **Bước 3:** Tính tỷ lệ KLGD trung vị (R) của mỗi tháng:

$R = \text{KLGD trung vị} / \text{khối lượng chứng khoán lưu hành của ngày cuối tháng};$

Khối lượng chứng khoán lưu hành của ngày cuối tháng xác định theo nguyên tắc = tổng khối lượng chứng khoán đăng ký, lưu ký - khối lượng chứng khoán hạn chế chuyển nhượng (số liệu theo dõi trên hệ thống của VSD)

- **Bước 4:** Xác định danh mục chứng khoán làm TSTC:

+ VSD xác định và công bố tỷ lệ R của từng kỳ đánh giá nhưng tối thiểu là 0,02%

+ Các mã chứng khoán có 6/12 tháng có tỷ lệ  $R <$  tỷ lệ R do VSD công bố sẽ không thuộc danh mục TSTC. Đối với các mã chứng khoán đã nằm trong danh mục TSTC kỳ công bố trước, có 8/12 tháng có tỷ lệ  $R <$  tỷ lệ R do VSD công bố sẽ không thuộc danh mục TSTC của kỳ công bố tiếp theo.



PHỤ LỤC 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----o0o-----

Mẫu HỢP ĐỒNG VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN

Số: ...../

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại ....., chúng tôi gồm có:

**BÊN VAY :**.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Người đại diện: .....Chức vụ:.....

Số tài khoản tiền gửi:.....tại .....

Số tài khoản giao dịch chứng khoán: .....tại .....

**BÊN CHO VAY:**.....

Số CMTND/GCNTVLK.....do .....cấp ngày.....

Người đại diện: ..... Chức vụ:..... (đối với người đầu tư tổ chức)

Địa chỉ:.....

Điện thoại: .....Fax:.....

Số tài khoản giao dịch chứng khoán: .....tại .....

Hai bên cùng nhau thống nhất và ký kết Hợp đồng này theo các điều khoản và điều kiện sau đây:

**ĐIỀU 1: THOẢ THUẬN VỀ VAY/CHO VAY CHỨNG KHOÁN**

1. Mục đích sử dụng:

(ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)

2. Chứng khoán vay :

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá

3. Lãi suất cho vay : .....%/năm

4. Ngày xác lập thoả thuận vay/cho vay trên hệ thống SBL của VSD:.....

5. Thời hạn cho vay: .....ngày. Ngày hoàn trả:.....

6. Giá trị khoản vay: xác định theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quy chế của VSD)

7. Hình thức trả khoản vay:

- Bằng tiền       Bằng chứng khoán
- Một phần bằng tiền và một phần bằng chứng khoán

8. Tài sản thế chấp của bên vay:  Bằng tiền       Bằng chứng khoán  
 Một phần bằng tiền và một phần bằng chứng khoán



- Chứng khoán thế chấp :

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá

- Giá trị tài sản thế chấp được xác định theo quy định tại Quy chế của VSD.

- Bên vay được hưởng các quyền phát sinh từ chứng khoán thế chấp

- Bên vay và Bên cho vay đồng ý uỷ quyền quản lý tài sản thế chấp cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Bên cho vay đồng ý để Bên vay sử dụng chứng khoán thuộc danh mục chứng khoán thế chấp theo quy định tại Quy chế của VSD làm tài sản thế chấp khoản vay.

9. Về lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay:

- Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này, các lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay sẽ được tính vào giá trị khoản vay khi tất toán hợp đồng trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác.

- Các lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay được bên vay và bên cho vay thoả thuận quy đổi hoàn trả toàn bộ bằng tiền hoặc bằng tiền đối với cổ tức, gốc, lãi trái phiếu và chứng khoán đối với cổ phiếu thường, cổ tức bằng cổ phiếu.... Đối với chứng khoán phát hành thêm hai bên thoả thuận như sau.....

- Việc thanh toán các lợi ích vật chất phát sinh đến chứng khoán cho vay do bên vay và bên cho vay tự thực hiện sau khi nhận được thông báo về lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

## **ĐIỀU 2: QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN CHO VAY**

1. Bên cho vay có quyền xem xét việc gia hạn khoản vay của Bên vay

2. Bên cho vay được quyền nhận lại chứng khoán cho vay hoặc tiền trong trường hợp có thoả thuận với bên vay về việc hoàn trả khoản vay bằng tiền và được thu lãi của khoản vay do Bên vay trả

3. Bên cho vay được quyền nhận các lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay trừ trường hợp bên vay và bên cho vay có thoả thuận khác.

4. Bên cho vay được quyền nhận chuyển giao thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam toàn bộ tài sản thế chấp trong trường hợp Bên vay được coi là mất khả năng thanh toán khoản vay trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác. Trường hợp bên cho vay nhận chuyển giao chứng khoán thế chấp dẫn tới vượt sở hữu tối đa theo quy định, phần vượt quá được thống nhất hoàn trả bằng tiền với giá trị do hai bên thoả thuận như sau...

5. Bên cho vay có trách nhiệm bảo đảm các chứng khoán cho vay tại Điều 1 Hợp đồng này là chứng khoán cho vay hợp lệ theo quy định tại Quy chế của VSD, hoàn toàn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên cho vay và hiện không sử dụng làm tài sản đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ thanh toán nào khác; không bị tranh chấp về quyền sở hữu.

6. Bên cho vay có trách nhiệm tuân thủ đúng Quy chế của VSD và mọi quy định trong Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 3: QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN VAY**

1. Bên vay có trách nhiệm sử dụng chứng khoán vay đúng mục đích vay

2. Bên vay có trách nhiệm nộp đầy đủ, đúng hạn giá trị tài sản thế chấp khoản vay theo quy định tại Quy chế của VSD. Trường hợp tài sản thế chấp khoản vay bằng chứng khoán, bên vay có trách nhiệm đảm bảo chứng khoán thế chấp thuộc danh mục chứng khoán thế chấp theo quy định tại Quy chế của VSD.

3. Bên vay có trách nhiệm hoàn trả chứng khoán và thanh toán đầy đủ lãi của khoản vay cho bên cho vay
4. Bên vay được quyền hoàn trả toàn bộ hoặc một phần chứng khoán vay tại bất cứ thời điểm nào trong thời hạn vay trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác.
5. Bên vay có trách nhiệm hoàn trả cho bên vay các lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay trừ trường hợp bên vay và bên cho vay có thoả thuận khác.
6. Trong trường hợp Bên vay được coi là mất khả năng thanh toán khoản vay, Bên vay cho phép Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chuyển giao toàn bộ tài sản thế chấp cho bên cho vay trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác.
7. Bên vay có trách nhiệm tuân thủ đúng Quy chế của VSD và mọi quy định trong Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng này và các qui định khác của pháp luật có liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vấn đề phát sinh cần giải quyết hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để thống nhất cách giải quyết phù hợp;
  2. Mọi tranh chấp, bất đồng ý kiến phát sinh trong việc thực hiện Hợp đồng này, hai Bên sẽ giải quyết bằng thoả thuận trên tinh thần hợp tác, tương trợ lẫn nhau. Trường hợp không tự thoả thuận được, các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định có hiệu lực của Toà án sẽ là quyết định cuối cùng ràng buộc trách nhiệm pháp lý và có giá trị thi hành đối với hai bên.
  3. Hợp đồng này và các văn bản phát sinh kèm theo Hợp đồng này (nếu có) là một bộ phận thống nhất không tách rời nhau, các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.
  4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
  5. Hợp đồng này được lập thành 04 [bốn] bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Bên cho vay giữ 01 bản, Bên vay giữ 01 bản, TVLK đại diện bên cho vay giữ 01 bản, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam giữ 01 bản
- Các Bên trong hợp đồng đã đọc kỹ, hiểu rõ các nội dung của Hợp đồng và tự nguyện ký kết hợp đồng này.

**BÊN VAY**

**BÊN CHO VAY**

**ĐỊNH GIÁ HỢP ĐỒNG VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN**

Ngày .....

Được sự ủy quyền của Bên cho vay, Công ty ..... (TVLK đại diện cho Bên cho vay) và Bên vay cùng nhau xác lập các thông tin định giá Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán số ..... như sau:

**BÊN VAY :** .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

Số tài khoản tiền gửi: ..... tại .....

Số tài khoản giao dịch chứng khoán: ..... tại .....

**BÊN CHO VAY:** .....

Số CMTND/GCNTVLK ..... do ..... cấp ngày .....

Người đại diện: ..... Chức vụ: ..... (đối với người đầu tư tổ chức)

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Số tài khoản giao dịch chứng khoán: ..... tại .....

**I - Thông tin hợp đồng vay/cho vay chứng khoán tại ngày xác lập thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán**

## 1. Mục đích sử dụng:

(ghi rõ loại hợp đồng vay: vay hỗ trợ thanh toán, vay cho lập hoặc hoán đổi ETF, vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở, vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường)

2. Lãi suất cho vay : .....%/năm

3. Ngày xác lập thỏa thuận vay/cho vay trên hệ thống SBL của VSD: .....

## 4. Chứng khoán vay :

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị khoản vay

5. Thời hạn cho vay: .....ngày. Ngày hoàn trả: .....

## 6. Tài sản thế chấp của bên vay:

- Tiền thế chấp: ..... (Số tiền bằng chữ: .....) )

- Chứng khoán thế chấp :

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị chứng khoán thế chấp

**II - Thông tin Hợp đồng vay/cho vay chứng khoán xác định lại tại ngày ...../...../.....**



1. Lãi suất cho vay: .....% năm

2. Chứng khoán vay :

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị khoản vay

3. Thời hạn cho vay: .....ngày. Ngày hoàn trả:.....

4. Tài sản thế chấp của bên vay:

- Tiền thế chấp: ..... (Số tiền bằng chữ: .....)

- Chứng khoán thế chấp :

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị chứng khoán thế chấp

**BÊN VAY**

**TVLK ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY**

## PHỤ LỤC 03

### CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số: /.../HD-SBL

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 2396/QĐ-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 10/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.
- Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 03 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.
- Khả năng và nhu cầu của mỗi bên.

Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý vay và cho vay chứng khoán được lập vào ngày....tháng....năm... như sau:

**Bên cung cấp dịch vụ (Bên A): Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**

Địa chỉ : 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà nội

Điện Thoại : 04 39 747 121 Fax: 04 39 747 120

Số Tài khoản : 122.10.00.0173140  
Mở tại Ngân hàng : Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam,  
Chi nhánh Hà thành  
Mã số thuế : 0104154332  
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn Thanh  
Chức vụ : Tổng Giám đốc

**Bên sử dụng dịch vụ (Bên B) :** .....

Địa chỉ : .....  
Điện Thoại : ..... Fax: .....  
Số Tài khoản : .....  
Mở tại Ngân hàng : .....  
Mã số thuế : .....  
Người đại diện theo pháp luật : .....  
Chức vụ : .....

### **Điều 1. Nội dung dịch vụ cung cấp**

Bên A nhận cung cấp cho Bên B các dịch vụ hỗ trợ cho việc thực hiện hoạt động vay/ cho vay chứng khoán của bên B và khách hàng của bên B bao gồm:

1. Mở tài khoản lưu ký chứng khoán có liên quan cho bên B và khách hàng của bên B để theo dõi hoạt động vay/ cho vay chứng khoán;
2. Định giá khoản vay và tính toán lãi khoản vay;
3. Thực hiện chuyển giao và hoàn trả chứng khoán giữa các bên vay và bên cho vay;
4. Định giá và quản lý tài sản thế chấp;
5. Xác định và tính toán quyền liên quan đến chứng khoán thuộc sở hữu của bên cho vay và thực hiện chuyển giao lợi ích phát sinh từ quyền từ bên vay sang bên cho vay theo thỏa thuận và đề nghị của các bên.
6. VSD sẽ cho phép Bên B kết nối vào hệ thống vay và cho vay chứng khoán của VSD qua Cổng giao tiếp điện tử để thực hiện các giao dịch có liên quan và nhận các báo cáo từ VSD.

### **Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A**

1. Xây dựng hệ thống thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán đảm bảo cung cấp được các dịch vụ quy định tại Điều 1 Hợp đồng này;
2. Cung cấp các dịch vụ quy định tại Điều 1 Hợp đồng này cho Bên B đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng và quy định của pháp luật liên quan;



3. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ vay, cho vay chứng khoán theo đúng quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán do Bên A ban hành;

4. Thông báo và hướng dẫn cho Bên B các quy định pháp luật và quy trình liên quan đến hoạt động vay, cho vay chứng khoán;

5. Chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh (nếu có) cho bên B và khách hàng của bên B do lỗi của Bên A gây ra;

6. Quản lý việc sử dụng chứng khoán vay theo đúng mục đích và quy định hiện hành;

7. Nhận tiền cung cấp dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng này.

### **Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B**

1. Tuân thủ đúng quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán và các quy chế khác có liên quan do Bên A ban hành và quy định pháp luật liên quan;

2. Cung cấp những thông tin hoặc các tài liệu cho Bên A đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động vay, cho vay chứng khoán do Bên A ban hành hoặc khi Bên A có yêu cầu bằng văn bản;

3. Thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bên vay hoặc bên cho vay theo Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán đã ký;

4. Chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh (nếu có) cho khách hàng và các đối tượng khác có liên quan do lỗi của Bên B gây ra;

5. Chịu trách nhiệm sử dụng chứng khoán vay đúng mục đích quy định;

6. Trong trường hợp bên B là bên vay, Bên B uỷ quyền cho bên A:

- Khấu trừ giá trị tương ứng khoản lãi vay từ giá trị tài sản thế chấp bằng tiền (nếu có) trả cho bên cho vay thông qua Thành viên lưu ký đại diện bên cho vay và/hoặc:

- Chuyển giao toàn bộ tài sản thế chấp (chứng khoán hoặc tiền) cho bên cho vay trong trường hợp bên B mất khả năng thanh toán và không thoả thuận được với bên cho vay để xử lý;

7. Nộp tiền sử dụng dịch vụ cho Bên A đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng này.

### **Điều 4. Tiền cung cấp dịch vụ**

1. Tiền cung cấp dịch vụ của bên A như sau:

a. Mức giá:

- Thời hạn vay dưới 15 ngày: 0,004% giá trị khoản vay, tối thiểu là 500.000đ/giao dịch vay, cho vay;

- Thời hạn vay từ 15 ngày trở lên: 0,006% giá trị khoản vay, tối thiểu là 500.000đ/giao dịch vay, cho vay

b. Đối tượng trả:

- Đối với vay hỗ trợ thanh toán: bên vay trả 100%

- Đối với vay hỗ trợ thành viên lập quỹ ETF có đủ chứng khoán để góp vốn/ thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục với quỹ ETF; vay trái phiếu chính phủ để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở khi thực hiện hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ; vay công cụ nợ của nhà tạo lập thị trường: bên vay trả 50% và bên cho vay trả 50%.

2. Bên B có trách nhiệm thu tiền cung cấp dịch vụ từ khách hàng để trả cho bên A trong trường hợp bên cho vay là khách hàng của bên B.

3. Tiền cung cấp dịch vụ được bên B trả cho bên A theo định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 hàng tháng.

#### **Điều 5. Thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vấn đề phát sinh cần giải quyết hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để thống nhất cách giải quyết phù hợp;

2. Mọi tranh chấp, bất đồng ý kiến phát sinh trong việc thực hiện Hợp đồng này, hai Bên sẽ giải quyết bằng thoả thuận trên tinh thần hợp tác, tương trợ lẫn nhau. Trường hợp không tự thoả thuận được, các bên có quyền yêu cầu toà án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định có hiệu lực của Toà án sẽ là quyết định cuối cùng ràng buộc trách nhiệm pháp lý và có giá trị thi hành đối với hai bên.

#### **Điều 6. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng**

Trong quá trình thực hiện, hai Bên có thể thoả thuận để sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Mọi sự sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản có đủ chữ ký của hai Bên và được coi là một phần không tách rời hợp đồng này.

#### **Điều 7. Chấm dứt hợp đồng**

1. Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi Hai bên thanh lý chấm dứt hợp đồng hoặc Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng

2. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên B bị Bên A chấm dứt tư cách thành viên nhưng không tự nguyện thanh lý hợp đồng với Bên A.

**Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, bao gồm 04 trang, 07 điều và được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.**

*Hà nội, ngày tháng năm*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

PHỤ LỤC 04

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng... năm ...

**THÔNG BÁO TÀI KHOẢN QUẢN LÝ TÀI SẢN THẺ CHẬP BẰNG TIỀN**

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Công ty/Ngân hàng:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:.....Fax .....

Thông báo tài khoản tiền gửi thanh toán của chúng tôi để quản lý tài sản thẻ chấp bằng tiền cho hoạt động vay và cho vay chứng khoán như sau:

- **Tên tài khoản:**

- **Số hiệu tài khoản:**

- **Mở tại: Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà thành**

Công ty/Ngân hàng..... cam kết cho phép Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam được quyền yêu cầu **Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà thành** phong toả/giải toả tiền trên tài khoản trên cho các giao dịch liên quan đến hoạt động vay và cho vay chứng khoán.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BIDV Hà Thành;
- Lưu....

**TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC CÔNG TY/NGÂN HÀNG**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*